

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP TN
TỈNH TN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **93/2024/DS-ST**
Ngày 01-7-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP TN, TỈNH TN

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trọng Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Vũ Hoa Lam;
- Ông Nguyễn Minh Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Ngọc Lan - Thư ký Toà án nhân dân Tp TN, tỉnh TN.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp TN, tỉnh TN tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Tiêu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân Tp TN, tỉnh TN xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2024/TLST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2024/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp BL, xã TB, huyện CT, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc C: Ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1969; địa chỉ: Số nhà 103 hẻm 03 đường Huỳnh Tấn P, khu phố HB, phường HN, Tp TN, tỉnh TN. Hợp đồng ủy quyền số chứng thực: 39, quyền số: 01/2024-SCT/HĐ,GD ngày 18-3-2024 tại Ủy ban nhân dân phường HN, Tp TN, tỉnh TN.

Bị đơn: Bà Nguyễn Như L, sinh năm 1985; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Hẻm 13 đường Trưng Nữ V, khu phố M, phường N, Tp TN, tỉnh TN.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Như L: Ông Nguyễn Đình N, sinh năm 1965; địa chỉ: Số nhà 06, đường 16, BL, khu phố NT, phường NS,

Tp TN, tỉnh TN. Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 2509, quyển số: 05/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 06-5-2024 tại Văn phòng công chứng Dương Kim Hà – Địa chỉ: Số 460 đường 30 tháng 4, khu phố 5, phường 4, Tp TN, tỉnh TN.

Anh ông Huỳnh Văn A, ông Nguyễn Đình N có mặt; ông Nguyễn Ngọc C, bà Nguyễn Như L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 3 năm 2024, lời khai bổ sung trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Huỳnh Văn A trình bày:

Do quen biết nên ngày 01 tháng 5 năm 2023, ông C có cho bà L vay số tiền 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, hạn đến ngày 01-10-2023 sẽ trả đủ. Khi vay có làm giấy mượn tiền, chữ viết trong giấy mượn tiền là do bà L viết. Khi viết giấy nợ không có ghi lãi suất. Có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 2%/tháng nhưng chưa trả lãi và gốc.

Tiếp đó, ngày 24-9-2023, ông C tiếp tục cho bà L vay số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu), hạn đến ngày 25-12-2023 sẽ trả đủ. Khi vay có làm giấy mượn tiền, chữ viết trong giấy mượn tiền là do bà L viết. Khi viết giấy nợ không có ghi lãi suất. Có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất 2%/tháng nhưng chưa trả lãi và gốc.

Qua trao đổi nhiều lần nhưng bà L không trả số nợ nêu trên. Bà L không trả số tiền vay 1.300.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày hết thời hạn trả nợ, cụ thể như sau:

Ngày viết giấy nợ là 01-5-2023 đối với số tiền 1.000.000.000 đồng hạn ngày trả 01-10-2023. Ngày tính lãi là ngày tiếp theo 02-10-2023 đến ngày xét xử được tính như sau:

$$1.000.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 09 \text{ tháng} = 74.700.000 \text{ đồng.}$$

Ngày viết giấy nợ là 24-9-2023 đối với số tiền 300.000.000 đồng hạn ngày trả 25-12-2023. Ngày tính lãi là ngày tiếp theo 26-12-2023 đến ngày xét xử được tính như sau:

$$300.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 06 \text{ tháng} \quad 06 \text{ ngày} = 15.438.000 \text{ đồng.}$$

$$\text{Tổng cộng lãi } 74.700.000 \text{ đồng} + 15.438.000 \text{ đồng} = 90.138.000 \text{ đồng.}$$

Tại phiên tòa, ông Ân yêu cầu số tiền lãi làm tròn là 90.000.000 đồng.

Tổng cộng 1.390.000.000 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai của bị đơn bà Nguyễn Như L ngày 09-4-2024 trình bày:

Bà thừa nhận chữ ký và chữ viết của bà, tuy nhiên bà cho rằng đã trả xong số tiền 1.000.000.000 đồng và bà L xin thời gian để cung cấp chứng cứ trả số tiền 1.000.000.000 đồng.

Bà L đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng và lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay, bà không đồng ý trả số tiền 1.000.000.000 đồng vì bà đã trả rồi.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nhụy không đồng ý trả số tiền 1.000.000.000 đồng vì đã trả rồi, đồng ý trả số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất. Ông Nhụy cho rằng giấy vay số tiền 1.000.000.000 đồng chữ ký là của bà L nhưng chữ viết không phải, tuy nhiên không có yêu cầu giám định.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp TN, tỉnh TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ các Điều 463; 466; 468; 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C về việc yêu cầu bà Nguyễn Như L trả số tiền vay gốc: 1.000.000.000 đồng; lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 02-10-2023. 300.000.000 đồng; lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 26-12-2023, mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 1.300.000.000 đồng nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại: Hẻm 13 đường Trưng Nữ V, khu phố M, phường N, Tp TN, tỉnh TN. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp TN, tỉnh TN.

[2] Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Như L trả số tiền vay 1.300.000.000 đồng thấy rằng:

[2.1] Nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Giấy mượn tiền đề ngày 01-5-2023” và “Hợp đồng vay cá nhân đề ngày 24-9-2023” thì thấy rằng:

Bà L thừa nhận các chữ ký trên giấy vay tiền là của bà do bà tự viết và ký tên. Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2] Với giấy “Giấy mượn tiền đề ngày 01-5-2023” bà L trình bày đã trả xong nhưng bà L không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả số tiền này

nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của bà L. Cần chấp nhận yêu cầu này của ông C.

[2.3] Với giấy “Hợp đồng vay cá nhân đề ngày 24-9-2023” bà L trình bày đây là số tiền lãi do bị ông C ép buộc nhưng bà không chứng minh được số tiền lãi của số tiền nào, lãi bao nhiêu tháng, lãi suất như thế nào để ra số tiền này nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của bà L. Cần chấp nhận yêu cầu này của ông C.

[2.4] Ông Ân đồng ý nhận lãi số tiền 90.000.000 đồng, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Tổng cộng gốc và lãi 1.390.000.000 (Một tỷ ba trăm chín mươi triệu) đồng.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân Tp TN, tỉnh TN phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Ông Nguyễn Ngọc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông C.

Bà Nguyễn Như L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 53.700.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227, 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C đối với bà Nguyễn Như L về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc bà Nguyễn Như L có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho ông Nguyễn Ngọc C số tiền nợ vay gốc 1.300.000.000 đồng và lãi 90.000.000 đồng. Tổng cộng tiền vay gốc và lãi là 1.390.000.000 (Một tỷ ba trăm chín mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Ông Nguyễn Ngọc C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông C số tiền tạm ứng án phí 29.820.000 (Hai mươi chín triệu tám trăm hai mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002587 ngày 28-3-2024 của Chi cục thi hành án dân sự Tp TN, tỉnh TN.

2.2. Bà Nguyễn Như L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 53.700.000 (Năm mươi ba triệu bảy trăm nghìn) đồng.

3. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh TN. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND. TPTN;
- Chi Cục THADS. TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(*đã ký*)

Trần Trọng Nghĩa